



CÔNG TY CPTG THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP MINH TRIẾT

Địa chỉ : 199 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028.6276 5268 Fax: 028.6276 5368

Email : minhtriettbcn@gmail.com

BẢNG GIÁ DỤNG CỤ ĐIỆN HITACHI KOKI

Áp dụng từ ngày 01 tháng 06 năm 2019

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	GIÁ(VNĐ)	C/T
01		B16RM	Khoan bàn 12 cấp độ Đầu khoan : 16 mm Công suất : 750W Laser : 2 tia Đầu côn : JT3 Chu kỳ trục khoan: 85mm Bàn khoan : 360x360mm Độ nghiêng : 45 độ Chiều dài : 1618mm Trọng lượng : 75Kg	Japan	15,900,000	01
02		G10SS2	Máy mài 100mm Công suất : 600W. Tốc độ : 11,500/phút. Đá mài : 100mm. Chiều dài thân: 254mm. Trọng lượng : 1.7 kg.	China	750,000	06
03		PDA100M	Máy mài 100mm Công suất : 715W Tốc độ : 12.000 rpm Đá mài : 100mm Chiều dài thân : 260mm Trọng lượng : 1.5Kg	Malaysia	1,045,000	10
04		PDA100K	Máy mài 100mm Công suất : 705W Tốc độ : 12.000 rpm Đá mài : 100mm Chiều dài thân : 258mm Trọng lượng : 1.5Kg	Malaysia	1,705,000	10
05		DV13VSS	Khoan va đập 13mm Khoan bê tông 13mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 20mm Công suất : 550W Tốc độ cao : 0 - 2.900 rpm Tốc độ va đập : 0 - 29.000 l/p	Singapor	1,188,000	06

06		FDV16VB2	Khoan va đập 13mm Khoan bê tông 16mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 25mm Công suất : 550W Tốc độ : 0 - 2.900 rpm Tốc độ va đập : 0 - 46.400 l/p Trọng lượng : 1,6Kg	China	1,360,000	05
07		AW100	Máy phun áp lực Công suất : 1,400W. Áp lực phun tối đa: 7.0MPa. Áp lực tối đa cho phép: 100 Pa. Lưu lượng tối đa: 5.5L/phút. Kích thước : 305x245x465mm. Trọng lượng: 5.4 kg. Nhiệt độ cho phép: 40 độ C.	China	2,079,000	01
08		AW130	Máy phun áp lực Công suất : 1,600W. Áp lực phun tối đa: 9.0MPa. Áp lực tối đa cho phép: 130 Pa. Lưu lượng tối đa: 6L/phút. Kích thước : 325x260x790mm. Trọng lượng: 8.3 kg. Nhiệt độ cho phép: 40 độ C.	China	3,377,000	01
09		AW130A	Máy phun áp lực Công suất : 1,600W. Áp lực phun tối đa: 9.0MPa. Áp lực tối đa cho phép: 130 Pa. Lưu lượng tối đa: 360L/h. Kích thước : 350x290x790mm. Trọng lượng: 8.3 kg. Nhiệt độ cho phép: 40 độ C.	Malaysia	3,590,000	01
10		AW150	Máy phun áp lực Công suất : 2,000W. Áp lực phun tối đa: 7.0MPa. Áp lực tối đa cho phép: 150 Pa. Lưu lượng tối đa: 6.67L/phút. Kích thước : 425x345x905mm. Trọng lượng: 12.4 kg. Nhiệt độ cho phép: 40 độ C.	China	5,748,000	01
10		DS12DVF3	Khoan bắt vít Pin 12V Khoan sắt 12mm, khoan gỗ 25mm, vặn vít 6mm, đào chiều. Tốc độ : 0 – 350/1,050 rpm Đầu kẹp : 10mm Ngẫu lực : 1 - 6 Nm Chiều dài thân : 221mm Trọng lượng : 1.6Kg	China	2,990,000	05

11	 	DS14DVF3	Khoan bắt vít Pin 14V Pin sạc : 14V (2 Pin EB1414S) Tốc độ : 0 – 400/1200 rpm Chiều dài thân : 210mm Trọng lượng : 1.9 kg Các chi tiết khác tương tự Model DS12DVF3	China	2,915,000	05
12	 	WH10DAL	Máy vặn vít chạy Pin 10.8V Bu lông : 5-12mm Vít : 4-8mm Đầu ghim : 6.35mm (lục giác) Ngẫu lực : 95Nm Tốc độ : 2500 rpm Chiều dài thân : 151mm Trọng lượng : 1.0 Kg	Japan	4,363,000	05
13		DS9DVC	Máy khoan pin 9.6V Ốc máy: 6mm, thép: 10mm, gỗ: 21mm. Vít bắt gỗ : 5.8x45mm, thép mềm: 10mm, gỗ mềm: 21mm. Tốc độ : 0-260/1.150 rpm Chiều dài thân : 190mm Trọng lượng : 1.2 Kg	China	2,450,000	05
14		DS9DVF3	Máy khoan pin 9.6V Ốc máy: 6mm, đầu khoan không khóa: 0.8-10mm. Vít bắt gỗ : 5.8x45mm, thép mềm: 10mm, gỗ mềm: 21mm. Tốc độ : 0-280/840 rpm Chiều dài thân : 198mm Trọng lượng : 1.5 Kg	China	2,912,000	05
15		DS10DAL	Máy vặn vít chạy Pin 10.8V Đầu khoan không khóa: 0.8-10mm. Ốc máy: 6mm, thép mềm: 10mm, gỗ mềm: 21mm. Tốc độ không tải cao: 0-1.300/p. Tốc độ không tải thấp: 0-300/p. Chiều dài thân : 188mm Trọng lượng : 1.0 Kg. Lực siết: 0.5-4.0Nm.	Japan	4,363,000	05

16		DS12DVC	Khoan bắt vít Pin 14V Khoan sắt 12mm, khoan gỗ 24mm, vặn vít 6mm, đảo chiều. Pin sạc : 12V (2 Pin BCC121C) Tốc độ : 0 – 350/1,400 rpm Chiều dài thân : 190mm Trọng lượng : 1.3 kg	China	2,812,000	05
17		DS14DVC	Khoan bắt vít Pin 14V Khoan sắt 12mm, khoan gỗ 30mm, vặn vít 6mm, đảo chiều. Pin sạc : 14V (2 Pin BCC1412) Tốc độ : 0 – 450/1,250 rpm Chiều dài thân : 218mm Trọng lượng : 1.7 kg	China	2,812,000	05
18		DS14DSFL	Khoan bắt vít Pin 14.4V Ốc máy: 6mm, khoan gỗ 30mm, vặn vít 6.2x63mm, thép: 12mm. Pin sạc : 14.4V (2 Pin BCC1412) Tốc độ : 0 – 450/1,250 rpm Chiều dài thân : 219mm Trọng lượng : 1.5 kg	Japan	5,867,000	05
		DV18DJL	Máy khoan dùng pin Khoan thép: 13mm, gỗ: 65 mm, betong: 13 mm Tốc độ cao: 0 – 1,600 v/p Tốc độ thấp: 0 – 350 v/p Lực siết: 55 N.m Chiều dài thân: 228 mm Trọng lượng: 2.1 Kg	Japan	7,750,000	05
		DS18DJL	Máy khoan dùng pin Khoan thép: 13mm, gỗ: 38 mm, Tốc độ cao: 0 – 1,400 v/p Tốc độ thấp: 0 – 350 v/p Lực siết: 55 N.m Chiều dài thân: 220 mm Trọng lượng: 1.7 Kg	Japan	5,850,000	05
19		G18DSL	Máy mài góc chạy pin Đá mài: 115mm, đường kính lỗ 22mm. Công suất : 235W. Tốc độ không tải : 0 – 9.300/p. Chiều dài thân: 293mm. Trọng lượng : 1,7Kg	Japan	8,693,000	01

20		W6VA4	Máy xiết, mở vít Vít tự khoan : 6mm Đầu ghim: 2,5mm (lục giác) Công suất: 620W Tốc độ : 3,000 rpm Chiều dài thân : 294mm Trọng lượng : 1.4 Kg	Malaysia	3,049,000	05
21		WH7DL	Máy bắt vít Đầu vít: 6.35mm, lực siết: 25Nm. Lực đập: 0-3000/p. Tốc độ : 2.400 rpm Chiều dài thân : dạng thẳng:282mm, dạng L: 211mm. Trọng lượng : 0.58 Kg	Japan	4,550,000	05
22		WR16SE	Máy bắt bulông Công suất: 500W. Tốc độ : 1700/p. Lực đập : 2100/p. Chiều dài thân: 280mm. Trọng lượng : 4.6 kg	Japan	9,949,000	03
23		WR22SE Động cơ không chổi than	Máy bắt bulông Công suất: 850W. Tốc độ : 1800/p. Lực đập : 2000/p. Chiều dài thân: 303mm. Trọng lượng : 4.8 kg	Japan	12,790,000	03
23		WR25SE Động cơ không chổi than	Máy bắt bulông Công suất: 900W. Tốc độ : 1100/p. Lực đập : 1500/p. Chiều dài thân: 340mm. Trọng lượng : 7.7 kg	Japan	18,500,000	03
24		PU PM3	Khoan 16mm Khoan thép 16mm; khoan gỗ 36mm Công suất : 670W Tốc độ : 750 rpm Chiều dài thân : 396mm Trọng lượng : 4,4Kg	Japan	8,252,000	02
25		D13VH	Khoan 13mm Khoan thép 13mm; khoan gỗ 40mm Công suất : 690W Tốc độ - cao : 0 - 3000 rpm -thấp : 0 – 1000 rpm Chiều dài thân : 333mm Trọng lượng : 1,9Kg	Japan	1,655,000	05

26		D10VST	Khoan 10mm Khoan thép 10mm; khoan gỗ 25mm Công suất : 450W Tốc độ - cao : 0 – 2,300 rpm Trọng lượng : 1,2Kg	China	930,000	06
27		VTP18	Khoan và đập 16mm Khoan bê tông 18mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 25mm Công suất : 640W Tốc độ : 1.800/ 2.900 rpm Tốc độ va đập : 17.800/ 28.600 l/p Trọng lượng : 2.3Kg	Malaysia	2,750,000	05
28		DV16VSS	Khoan và đập 16mm Khoan bê tông 16mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 25mm Công suất : 600W Tốc độ : 0 - 2.900 rpm Tốc độ va đập : 0 - 46.400 l/p Trọng lượng : 1,5Kg	China	1,390,000	05
29		DV18V	Khoan và đập 18mm Công suất : 690W Tốc độ : 0 – 1.000 /3.000rpm Tốc độ va đập : 0 – 8.400/27.300 l/p Trọng lượng : 2.0Kg Chiều dài thân: 333mm.	Malaysia	2,250,000	03
30		DV20VB2	Khoan và đập 200mm Công suất : 790W Tốc độ : 0 – 1.000 /3.000rpm Tốc độ va đập : 0 – 8.000/26.000 l/p Trọng lượng : 2.2Kg Chiều dài thân: 333mm.	Malaysia	2,750,000	03
31		D10VC2	Khoan khoan sắt Khoan thép 10mm, khoan gỗ 25mm. Công suất : 460W Tốc độ không tải : 0 - 2.300/p. Chiều dài thân: 238mm. Trọng lượng : 1,3Kg	Japan	1,472,000	10

32		FD10SA	Khoan khoan sắt Khoan thép 10mm, khoan gỗ 18mm. Công suất : 235W Tốc độ không tải : 0 - 2.300/p. Chiều dài thân: 255mm. Trọng lượng : 1,1Kg	China	706,000	05
33		FD10SB	Khoan khoan sắt Khoan thép 10mm, khoan gỗ 25mm. Công suất : 420W Tốc độ không tải : 0 - 2.800/p. Chiều dài thân: 266mm. Trọng lượng : 1,4Kg	China	852,000	05
34		D13	Tay cầm hình chữ D Khoan sắt 13mm, khoan gỗ 40mm. Công suất : 720W Tốc độ không tải : 550/p. Chiều dài thân: 378mm. Trọng lượng : 3Kg	Malaysia	5,990,000	01
35	 	DH22PG	Khoan búa 2 chức năng Khoan bê tông 22mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 32mm Công suất : 620W Tốc độ : 0 – 1,500 rpm Tốc độ va đập : 6.200 l/p Chiều dài thân : 289mm. Trọng lượng : 1,9Kg	China	2,543,000	03
36		DH22PH	Máy khoan động lực Khoan bê tông 24mm, khoan gỗ 32mm, thép mềm: 13mm. Công suất : 620W Tốc độ : 0 – 1,400 rpm Tốc độ va đập : 5.600 l/p Tổng chiều dài : 318mm. Trọng lượng : 2.1Kg	China	2,980,000	03
37	 	DH24PG	Khoan búa 2 chức năng Khoan bê tông 24mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 32mm Công suất : 730W Tốc độ : 0 – 1,050 rpm Tốc độ va đập : 0 – 3,950 l/p Chiều dài thân : 367mm Trọng lượng : 2,7Kg	Japan	2,880,000	03

38	 	DH24PH	Khoan búa 3 chức năng Khoan bê tông 24mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 50mm Công suất : 730W Tốc độ : 0 – 1,050 rpm Tốc độ va đập : 0 – 3,950 l/p Chiều dài thân : 367mm Trọng lượng : 2,7Kg	China	3,220,000	03
39	 	DH26PB	Khoan búa 2 chức năng Khoan bê tông 26mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 32mm Công suất : 830W Tốc độ : 0 – 1,100 rpm Tốc độ va đập : 0 – 4,300 l/p Chiều dài thân : 367mm Trọng lượng : 2,8Kg	China	3,399,000	03
40	 	DH26PC	Khoan búa 3 chức năng Khoan bê tông 26mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 32mm Công suất : 830W Tốc độ : 0 – 1,100 rpm Tốc độ va đập : 0 – 4,200 l/p Chiều dài thân : 367mm Trọng lượng : 2,8Kg	Japan	3,560,000	03
41	 	DH28PBY	Khoan búa 2 chức năng Khoan bê tông 28mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 32mm Công suất : 850W Tốc độ : 0 – 1,100 rpm Tốc độ va đập : 0 – 4,300 l/p Chiều dài thân : 367mm Trọng lượng : 2,9Kg	China	3,797,000	03
42	 	DH28PCY	Khoan búa 3 chức năng Khoan bê tông 28mm, khoan thép 13mm, khoan gỗ 32mm Công suất : 850W Tốc độ : 0 – 1,100 rpm Tốc độ va đập : 0 – 4,300 l/p Chiều dài thân : 367mm Trọng lượng : 2,9Kg	Japan	4,079,000	03
		DH40MC	Khoan búa Khoan bê tông 40mm, khoét bê tông 105mm Công suất : 1,100W Tốc độ : 620 rpm Tốc độ va đập : 2.800 l/p Trọng lượng : 7,1 Kg	Japan	8,590,000	02

	  	DH40MEY	Khoan búa Khoan bê tông 40mm, khoét bê tông 105mm Công suất : 1,150W Tốc độ : 250-500 rpm Tốc độ va đập : 1,430- 2,850 l/p Trọng lượng : 7,5 Kg	Malaysia	14,900,000	02
43	 	DH38SS	Khoan búa Khoan bê tông 38mm, khoét bê tông 105mm Công suất : 950W Tốc độ : 620 rpm Tốc độ va đập : 2.800 l/p Trọng lượng : 6,4Kg	China	7,725,000	02
44	 	PR25B	Khoan búa Khoan bê tông 25mm, khoét bê tông 64mm Công suất : 1,050W Tốc độ : 750 rpm Tốc độ va đập : 3.000 l/p Trọng lượng : 7,3Kg	Japan	17,510,000	02
45	 	PR38E	Khoan búa Khoan bê tông 38mm, khoét bê tông 105mm Công suất : 1,050W Tốc độ : 400 rpm Tốc độ va đập : 3.000 l/p Trọng lượng : 7,5Kg	Japan	13,500,000	02
46	 	H41SD	Đục bê tông 17mm Công suất : 1.050W Tốc độ va đập : 3.000 l/p Chiều dài thân : 460mm Trọng lượng : 5.0 Kg	Malaysia	6,080,000	02
	  	H45MEY	Đục bê tông SDS Max Công suất : 1.150W Tốc độ va đập : 1,430 – 2,850 l/p Chiều dài thân : 480mm Trọng lượng : 7.3 Kg	Malaysia	6,990,000	02
47	 	PH65A	Đục bê tông mũi 30mm Công suất : 1.240W Tốc độ va đập : 1.400 l/p Mũi lực góc : 30mm Chiều dài thân : 642mm Trọng lượng : 15Kg	Malaysia	13,500,000	01

48	 	H65SC	Đục bê tông mũi 30mm Công suất : 1.240W Tốc độ va đập : 1.400 l/p Mũi lục giác : 30mm Chiều dài thân : 647mm Trọng lượng : 15Kg	Malaysia	15,390,000	01
49	 	H65SB3	Đục bê tông mũi 30mm Công suất : 1.340W Tốc độ va đập : 1.400 l/p Mũi lục giác : 30mm Chiều dài thân : 731mm Trọng lượng : 18.0Kg	Malaysia	19,980,000	01
49	 	H90SG	Đục bê tông mũi 28.5mm Công suất : 1.800W Tốc độ va đập : 1.000 l/p Mũi lục giác : 28.5mm Chiều dài thân : 860mm Trọng lượng : 32.0 Kg	Malaysia	33,900,000	01
50	 	GP2S2	Máy mài dùi 6mm Đầu cặp: 6mm Đá lớn nhất: 25mm Công suất: 520W Tốc độ: 29,000v/p Trọng lượng: 1.7Kg	Malaysia	4,690,000	04
51		LDU4	Máy mài khuôn 6mm Công suất : 240 W Tốc độ : 23.000rpm Đường kính lưỡi mài : 32mm Chiều dài thân : 373mm Trọng lượng : 1.9Kg	Japan	6,977,000	04
52	 	G10ST	Máy mài góc 100mm Công suất : 720W Đá mài : 100mm Đường kính lỗ : 16mm Tốc độ : 12,000 v/p Trọng lượng : 1.5 kg.	Malaysia	1,750,000	10
53	 	G10SR4	Máy mài góc 100mm Công suất : 730W. Đá mài : 100mm. Đường kính lỗ: 16mm. Tốc độ : 10,000/phút. Chiều dài thân: 258mm. Trọng lượng : 1.7kg.	China	1,037,000	05

54		G10SN	Máy mài góc 100mm Công suất : 840W. Đá mài : 100mm. Đường kính lỗ : 16mm. Tốc độ : 10,000/phút. Chiều dài thân : 259mm. Trọng lượng : 1.6 kg.	Japan	1,380,000	05
55		G13SS	Máy mài góc 125mm Công suất : 580W Tốc độ : 10.000 rpm Đá mài : 125mm Chiều dài thân : 254mm Trọng lượng : 1.4Kg	China	1,161,000	05
56		G13SR3	Máy mài góc 125mm Công suất : 730W Tốc độ : 10.000 rpm Đá mài : 125mm Chiều dài thân : 254mm Trọng lượng : 1.4Kg	China	1,316,000	05
57		G13SN	Máy mài góc 125mm Công suất : 840W. Đá mài : 125mm. Đường kính lỗ : 22.23mm. Tốc độ : 10,000/phút. Chiều dài thân : 259mm. Trọng lượng : 1.6 kg.	Japan	1,350,000	05
58		G13SC2	Máy mài góc 125mm Công suất : 1.200W Tốc độ : 10.000 rpm Đá mài : 125mm Chiều dài thân : 391mm Trọng lượng : 2.8Kg	Malaysia	2,990,000	02
59		G15SA2	Máy mài góc 150mm Công suất : 1.200W Tốc độ : 8.500 rpm Đá mài : 150mm Chiều dài thân : 391mm Trọng lượng : 2.8Kg	Malaysia	2,420,000	02
60		G18SW2	Máy mài góc 180mm Công suất : 2.200W Tốc độ : 8.500 rpm Đá mài : 180mm Chiều dài thân : 469mm Trọng lượng : 5.1Kg	China	2,282,000	02

61		G18SW	Máy mài góc 180mm Công suất : 2.200W Tốc độ : 8.500 rpm Đá mài : 180mm Chiều dài thân : 469mm Trọng lượng : 5.1Kg	China	2,282,000	02
62		G18SE3	Máy mài góc 180mm Công suất : 2.400W Tốc độ : 8.500 rpm Đá mài : 180mm Chiều dài thân : 478mm Trọng lượng : 5.9Kg	Malaysia	2,850,000	02
63		G18SS	Máy mài góc 180mm Công suất : 1.900W Tốc độ : 8.500 rpm Đường kính lỗ : 22.23mm. Đá mài : 180mm Trọng lượng : 4.3Kg	China	2,482,000	02
64		G23SC3	Máy mài góc 230mm Công suất : 2.300W Tốc độ : 6,600 rpm Đá mài : 230mm Trọng lượng : 6.1Kg	Malaysia	2,850,000	02
65		G23SS	Máy mài góc 230mm Công suất : 1.900W Tốc độ : 6,600 rpm Đá mài : 230mm. Chiều dài thân : 463mm. Trọng lượng : 4.3 Kg	China	2,410,000	02
66		G23SF2	Máy mài 230mm Công suất : 2.000W Tốc độ : 6,600 rpm Đá mài : 230mm Chiều dài thân : 463mm Trọng lượng : 4.3Kg	Malaysia	2,960,000	02
67		G23SW	Máy mài 230mm Công suất : 2.200W Tốc độ : 6,600 rpm Đá mài : 230mm Chiều dài thân : 469mm Trọng lượng : 4.4Kg	Malaysia	2,909,000	02
68		SV12SD	Máy chà nhám chữ nhật Công suất : 300W Tốc độ rung : 20,000/phút Kích thước đế : 114x228 mm Chiều dài thân : 300mm Trọng lượng : 2.8 kg	Malaysia	2,717,000	03

69		FSV10SA	Máy chà nhám chữ nhật Công suất : 180W Tốc độ rung : 10.000 rpm Kích thước đế : 92 x 184mm Trọng lượng : 1.3Kg	China	1,090,000	03
70		SV12SG	Máy chà nhám vuông Công suất : 200W Tốc độ rung : 28.000 rpm Kích thước đế : 110 x 100mm Chiều dài thân : 137mm Trọng lượng : 1.1Kg	Malaysia	1,350,000	03
71		S15SB	Máy chà nhám đĩa Công suất : 705W Đường kính đĩa ráp : 150mm Đường kính trục : 16mm Tốc độ không tải : 4500 rpm Trọng lượng : 2.0 Kg	Malaysia	2,980,000	02
72		SP18VA	Máy đánh bóng Công suất : 1250W Đường kính đĩa ráp : 180mm Đường kính trục : 14mm Tốc độ không tải : 0 - 3400 rpm Chiều dài thân : 415mm Trọng lượng : 2.8 Kg	Malaysia	3,770,000	02
73		S18SB	Máy đánh bóng Công suất : 705W Đường kính đĩa : 180mm Tốc độ không tải : 0 - 4500 rpm Chiều dài thân : 194mm Trọng lượng : 2.0Kg	Malaysia	2,987,000	04
74		SB10S2	Máy chà nhám băng Công suất : 1.020 W Tốc độ dây cu roa: 420m/p. Tốc độ không tải : 0 - 4500 rpm Chiều dài thân : 363mm Trọng lượng : 5.2Kg	Malaysia	5,712,000	04
75		CJ110MV	Máy cưa lọng Cắt gỗ :110mm, cắt thép 10mm, bán kính cắt tối thiểu 25mm, góc nghiêng 45 độ (phải/ trái) Công suất : 720W Tốc độ cắt : 850 – 3.000 l/p Chiều dài thân : 246mm Trọng lượng : 2.2Kg	Japan	2,990,000	05

76		FCJ65S3	Máy cưa lọng Cắt gỗ :65mm, cắt thép 6mm, bán kính cắt tối thiểu 25mm, góc nghiêng 45 độ Công suất : 400W Tốc độ cắt : 0 – 3.000 l/p Chiều dài thân : 197mm Trọng lượng : 1.5Kg	China	1,489,000	05
77		FCJ65V3	Máy cưa lọng Cắt gỗ :65mm, cắt thép 6mm, bán kính cắt tối thiểu 25mm, góc nghiêng 45 độ Công suất : 400W Tốc độ cắt : 0 – 3.000 l/p Chiều dài thân : 197mm Trọng lượng : 1.5Kg	Malaysia	1,660,000	05
78		CJ90VST	Máy cưa lọng Cắt gỗ :90mm, cắt thép 8mm, bán kính cắt tối thiểu 25mm, góc nghiêng 45 độ Công suất : 705W Tốc độ cắt : 850 – 3.000 l/p Chiều dài thân : 228mm Trọng lượng : 2.2Kg	Japan	2,790,000	05
79		C7SS	Máy cưa gỗ 190mm Cắt góc 90 độ : 68mm góc 45 độ : 46mm Công suất : 1,050W Tốc độ : 5,500/P. Chiều dài thân : 291mm Trọng lượng : 3.4Kg	China	1,990,000	04
80		C7ST	Máy cưa gỗ 185mm Cắt góc 90 độ : 62mm góc 45 độ : 47.5mm Công suất : 1,710W Tốc độ : 6000/P. Chiều dài thân : 310mm Trọng lượng : 4.3Kg	Japan	2,720,000	04
81		C9SA3	Máy cưa gỗ 235mm Cắt góc 90 độ : 86mm góc 45 độ : 65mm Công suất : 2000W Tốc độ : 5200 rpm Chiều dài thân : 397mm Trọng lượng : 7.0 Kg	Japan	4,985,000	02

82	 	P20ST	Máy bào 82mm Bề rộng bào : 82mm Chiều sâu bào tối đa : 1.5mm Công suất : 580W Tốc độ bào : 17.000 l/p Chiều dài thân : 296mm Trọng lượng : 2.5Kg	China	1,590,000	04
83		M12SE	Máy phay Công suất : 1.700W Tốc độ : 22.000 rpm Chiều dài thân : 350mm Trọng lượng : 5.3Kg	Malaysia	3,990,000	03
84	  	M12SA2	Máy phay Công suất : 1.700W Tốc độ : 22.000 rpm Đầu kẹp : 12mm Độ ăn sâu : 65mm Chiều dài thân : 350mm Trọng lượng : 6.2Kg	Malaysia	3,890,000	03
85	 	CM4SB2	Máy cắt bê tông Đường kính lưỡi cắt : 110mm Chiều sâu cắt tối đa : 34mm Công suất : 1.320W Tốc độ : 11.500 rpm Trọng lượng : 2.8Kg	Japan	1,790,000	03
86	 	CM4ST	Máy cắt bê tông Đường kính lưỡi cắt : 110mm Chiều sâu cắt tối đa : 34mm Công suất : 1.300W Tốc độ : 13.000 rpm Trọng lượng : 2.9Kg	China	1,270,000	03
87		CC12Y	Máy cắt đá Đường kính lưỡi cắt : 305mm Chiều sâu cắt tối đa : 100mm Công suất : 2.000W Tốc độ : 5.000/p. Chiều dài thân : 244mm. Trọng lượng : 10.5Kg	Malaysia	10,651,000	01
88	 	CE16SA	Máy cắt tôn Cắt thép 1.6mm, thép không gỉ 1.2mm; bán kính cắt tối thiểu 25mm. Công suất : 400W Tốc độ : 4,700 l/p Trọng lượng : 1.7 kg	Japan	8,219,000	05

88	 	CN16SA	Máy cắt tôn Cắt thép 1.6mm, thép không gỉ 1.2mm; bán kính cắt tối thiểu 25mm. Công suất : 400W Tốc độ : 2,300 l/p Trọng lượng : 1.7 kg	Japan	9,219,000	05
89	 	CC14ST	Máy cắt sắt Công suất : 2.200W Tốc độ cao : 3.800 rpm Kích thước lưỡi cắt : 355mm Kích thước : 590x 300x 640 Trọng lượng : 17Kg	Malaysia	2,850,000	01
89	 	CC14SF	Máy cắt sắt Công suất : 2.000W Tốc độ cao : 3.900 rpm Kích thước lưỡi cắt : 355mm Kích thước : 603x 318x 603 Trọng lượng : 16,5Kg	China	2,550,000	01
90	 	C10FCE2	Máy cắt nhôm 255mm Cắt thẳng 0° : 59x 114 (89x101)mm Cắt xiên 45°: 59x 102 (89x70)mm 52°: 59x 89 (89x 54)mm Công suất : 1,520W Tốc độ : 5,000/phút Kích thước : 460x 268x 561 Trọng lượng : 11.9 kg	China	5,170,000	01
91		C10FCH2	Máy cắt nhôm để bàn Công suất : 1,520W. Đường kính lưỡi: 255mm. Tốc độ không tải: 5000/p. Kích thước : 460x628x561mm. Trọng lượng: 12 kg.	Japan	6,840,000	01
92	 	CS-35SB	Máy cưa xích Công suất : 1900W Tốc độ xích : 450m/phút Chiều dài thanh dẫn : 350mm Lưỡi cưa xích, bước răng : 29mm Chiều dài thân : 641mm Trọng lượng : 4.7 kg	Japan	6,181,000	04

93		CR13V2	Máy cưa kiếm Ổng : 130mm Thép tấm : 19mm Gỗ : 300mm Công suất : 1.010W Độ dài xọc : 29mm Tốc độ không tải : 2.800/min Chiều dài thân: 435mm Trọng lượng: 3.3 Kg	Japan	3,990,000	05
94		GP13	Máy mài thẳng Trục lắp đá: 12,7mm Đá lớn nhất: 125mm Công suất: 570W Tốc độ: 4,800v/p Trọng lượng: 5.5Kg	Japan	8,350,000	05
DỤNG CỤ CẦM TAY ĐỘNG CƠ XĂNG						
95		CG31EBS	Máy cắt cỏ động cơ xăng 2 kỳ Dung tích : 30.8 mL Công suất động cơ : 1.0 Kw/1.3PS Bình chứa nguyên liệu : 0.67L Kích cỡ trục : 26mm Kích thước : 1,790x 700x 480mm Trọng lượng: 6.7 Kg	China	5,203,000	01
96		CS33EB	Máy cưa xích động cơ xăng Dung tích : 32,2 mL Công suất động cơ: 1.25KW/1.7PS Bình chứa xăng: 0.35L Bình chứa dầu: 0.25L Bước răng dây xích: 9.5mm Chiều dài Bar: 400mm Trọng lượng: 3.8Kg	China	4,990,000	01
97		CS40EA	Máy cưa xích động cơ xăng Dung tích : 39,6 mL Công suất động cơ: 1.8KW Bình chứa xăng: 0.38L Bình chứa dầu: 0.24L Bước răng dây xích: 9.5mm Chiều dài Bar: 400mm Trọng lượng: 4.4Kg	China	7,890,000	01
98		CG40EAS	Máy cắt cỏ động cơ xăng 2 kỳ Dung tích: 39.8ml Công suất động cơ : 1,21KW/1.5PS Bình chứa nguyên liệu : 1.0L Kích cỡ trục : 28mm Kích thước : 1,795x 670x 400mm Trọng lượng: 7.5Kg	China	6,960,000	01

NHÀ NHẬP KHẨU CHÍNH THỨC DỤNG CỤ CẦM TAY HITACHI NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

Mọi chi tiết xin liên hệ:

CÔNG TY CPTG THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP MINH TRIẾT

Đ/C: 199 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Tel: 028 6276 5268 – 028 6276 5368

CHI NHÁNH HÀ NỘI – CÔNG TY CPTG THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP MINH TRIẾT

Đ/C: 937 Đường Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Tel: 0909 682579